

# ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG HIỆU QUẢ NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO CỬ NHÂN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT, TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÂY BẮC

Phạm Đức Viễn<sup>(1)</sup>

## Tóm tắt:

Sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường được sử dụng trong lĩnh vực TĐTT, chúng tôi đã lựa chọn được 3 tiêu chuẩn với 4 tiêu chí đánh giá hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc. Trên cơ sở đó, tiến hành khảo sát đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của 220 cán bộ là cựu SV của khoa GDTC đang công tác tại các trường học. Hầu hết các ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động đều đạt ở mức trung bình trở lên. Kết quả đánh giá của người sử dụng lao động cho thấy các em sinh viên ngành GDTC ra trường công tác đã đáp ứng được một phần nhu cầu xã hội.

**Từ khóa:** Hiệu quả, nội dung chương trình đào tạo, Cử nhân ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc.

## Evaluate the current effectiveness state of content used in the Bachelor of Physical Education training program at Tay Bac University

### Summary:

Through regular scientific research methods, the author selected 3 standards with 4 criteria for evaluating Evaluate the current effectiveness state of content used in the Bachelor of Physical Education training program at Tay Bac University. On that basis, a survey was conducted to evaluate the quality and working capacity of 220 staff who are former students of the Physical Education department and are currently working at schools. Most of the employers' reviews are at an average level or higher. Evaluation results from employers show that students majoring in Physical Education, who have graduated from school, have partially satisfied society's demand.

**Keywords:** Effectiveness, training program content, Bachelor of Physical Education, Tay Bac University.

## ĐẶT VẤN ĐỀ

Cùng với mục tiêu đổi mới chung của Ngành Giáo dục và Đào tạo, các trường Đại học, Cao đẳng, Trung học chuyên nghiệp đã và đang phấn đấu nâng cao chất lượng đào tạo toàn diện, coi việc nâng cao chất lượng là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của trường trong thời kỳ mới. Để đáp ứng yêu cầu cấp bách đó, cùng với các giải pháp đồng bộ như tăng cường cơ sở vật chất phục vụ công tác dạy và học, đổi mới kế hoạch đào tạo, đổi mới phương pháp giảng dạy nâng cao chất lượng giáo dục, nâng cao trình độ chuyên môn của mỗi giáo viên thì vấn đề xây dựng, đổi mới nội dung chương trình đào tạo (CTĐT) của các trường là một vấn đề rất cần thiết và phải được chú trọng đúng mức.

Để có căn cứ tác động các giải pháp phù hợp giúp nâng cao chất lượng giáo dục tại Trường Đại học Tây Bắc nói chung và đào tạo cử nhân Ngành GDTC nói riêng, đòi hỏi phải đánh giá chính xác hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân Ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc. Đây là vấn đề cần thiết, cấp thiết và có ý nghĩa thực tiễn.

## PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trong quá trình nghiên cứu chúng tôi đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học thường quy như: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu, Phương pháp phỏng vấn, Phương pháp kiểm tra sư phạm, Phương pháp toán học thống kê.

Đối tượng phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh

<sup>(1)</sup>TS, Trường Đại học Tây Bắc; Email:ducvientbu@gmail.com

giá: 30 chuyên gia GDTC và quản lý TDTT.

Đối tượng khảo sát kết quả xếp loại học tập của SV ngành GDTC: 353 sinh viên (SV) Đại học K52, 53 và 54.

Đối tượng khảo sát hình thái và thể lực: 146 SV Đại học K52, Ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc, được thực hiện vào thời điểm tháng 6/2014 (hình thái và thể lực đầu ra).

Đối tượng đánh giá thực trạng phẩm chất và năng lực công tác của SV sau tốt nghiệp: 220 cán bộ là cựu SV của Khoa GDTC đang công tác tại các trường học.

### KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

#### 1. Lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

Tiến hành lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả nội dung CTĐT cử nhân Ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc thông qua tham khảo tài liệu và phỏng vấn trực tiếp các chuyên gia. Kết quả bước đầu lựa chọn được 3 tiêu chuẩn với 4 tiêu chí đánh giá chi tiết: TC9, TC10, TC11.

TC9. Kết quả học tập của SV.

TC10. Hình thái và trình độ thể lực đầu ra của SV.

Tc10.1. Hình thái: Chiều cao (cm), Cân nặng (kg) và BMI (kg/m<sup>2</sup>).

Tc10.2. Thể lực: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

TC11. Chất lượng SV đáp ứng nhu cầu xã hội.

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của giáo viên theo Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT. Tuy nhiên, đây là bộ tiêu chuẩn, tiêu chí được phổ biến dành cho tất cả các chuyên ngành đào tạo sư phạm, vì vậy, để lựa chọn được những tiêu chuẩn, tiêu chí phù hợp nhất, chúng tôi tiến hành phỏng vấn các chuyên gia GDTC và quản lý TDTT bằng phiếu hỏi. Kết quả phỏng vấn được đánh giá theo thang độ Likert với 5 mức.

Chúng tôi sẽ lựa chọn những tiêu chí đạt điểm trung bình từ 3.41 điểm trở lên (tương ứng mức cần thiết trở lên) để đánh giá hiệu quả nội dung CTĐT cử nhân ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc. Kết quả cụ thể được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy, theo nguyên tắc đặt ra, chúng tôi lựa chọn được cả 3 tiêu chuẩn để đánh giá hiệu quả nội dung CTĐT cử nhân ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc.

#### 2. Đánh giá thực trạng hiệu quả nội dung chương trình đào tạo cử nhân Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc

**Bảng 1. Kết quả phỏng vấn lựa chọn tiêu chí đánh giá hiệu quả nội dung Chương trình đào tạo cử nhân Ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc (n=30)**

TT	Tiêu chí	Kết quả phỏng vấn					Tổng điểm	Điểm TB
		5	4	3	2	1		
1	<b>TC9. Kết quả học tập của sinh viên</b>	23	4	3	0	0	140	4.67
2	<b>TC10. Hình thái và trình độ thể lực đầu ra của sinh viên</b>							
2.1	Tc10.1. Hình thái: Chiều cao (cm), Cân nặng (kg) và BMI (kg.m <sup>2</sup> )	22	4	4	0	0	138	4.6
2.2	Tc10.2. Thể lực: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo	23	5	2	0	0	141	4.7
3	<b>TC11. Chất lượng sinh viên đáp ứng nhu cầu xã hội</b> (Sử dụng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá chuẩn nghề nghiệp của GV THCS và THPT theo Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục - Đào tạo)	22	3	5	0	0	137	4.57

## BÀI BÁO KHOA HỌC

### TC9. Đánh giá thực trạng kết quả học tập của SV.

Thống kê kết quả xếp loại học tập của SV ngành GDTC của 353 SV Đại học 52, 53 và 54 (trương đương năm thứ nhất tới năm thứ ba) Trường Đại học Tây Bắc. Kết quả được trình bày tại bảng 2.

Qua bảng 2 cho thấy: Kết quả học tập của SV được đánh giá trên hai nội dung học tập lý thuyết và thực hành ở cả 3 khóa còn nhiều hạn chế. Điều đó được thể hiện qua kết quả xếp loại học tập của SV ở mức giỏi còn quá ít, số lượng này chỉ chiếm từ 0.00% đến 3,95%. Số lượng SV xếp loại học tập đạt khá chiếm tỉ lệ khá cao, từ 58.78% tới 80.26%. Tỉ lệ SV xếp loại học tập trung bình chiếm tỉ lệ từ 15.79% tới 38.17%. Đặc biệt SV xếp loại học tập ở mức yếu, kém là không có.

Kết quả nghiên cứu đã cho thấy hiệu quả tác động của chương trình dành cho khối SV ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc bước đầu đã

đáp ứng tỉ lệ SV đạt kết quả cao khi tốt nghiệp.

### TC10. Đánh giá thực trạng hình thái và trình độ thể lực đầu ra của SV

Khảo sát thực trạng hình thái và thể lực của 146 SV đại học K52, ngành GDTC, Trường Đại học Tây Bắc được thực hiện vào thời điểm tháng 6/2014 (hình thái và thể lực đầu ra). Kết quả được trình bày tại bảng 3.

Qua bảng 3 cho thấy: Kết quả kiểm tra đầu ra của SV Ngành GDTC đều ở mức độ tốt khi so sánh với Tiêu chuẩn kết quả điều tra thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi và Tiêu chuẩn phân loại trình độ thể lực của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điều này chứng tỏ CTĐT SV ngành GDTC trình độ đại học đã có tác dụng tốt trong việc phát triển hình thái và thể lực người học.

Từ kết quả kiểm tra thu được, chúng tôi tiến hành phân loại trình độ thể lực của sinh viên theo quy định xếp loại thể lực học sinh, SV của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Quá trình phân loại sử dụng 04 test : Bật xa tại chỗ (cm), Chạy 30m

**Bảng 2. Kết quả xếp loại học tập của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc (n=353)**

Tham số	Kết quả học tập								
	Khóa 52 (n = 146)			Khóa 53 (n = 131)			Khóa 54 (n = 76)		
	Giỏi	Khá	TB	Giỏi	Khá	TB	Giỏi	Khá	TB
Số lượng	0	116	30	4	77	50	3	61	12
Tỉ lệ %	-	79.45	20.55	3.05	58.78	38.17	3.95	80.26	15.79

**Bảng 3. Thực trạng hình thái và thể lực đầu ra của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc (n=146)**

TT	Nội dung kiểm tra	nam (n=133) ( $\bar{x} \pm \delta$ )	Nữ (n=13) ( $\bar{x} \pm \delta$ )
1	Chiều cao (cm)	166.8±2.0	158.5±0.8
2	Cân nặng (kg)	55.1±2.4	46.8±2.1
3	Chỉ số BMI (kg/m <sup>2</sup> )	20.0±0.69	19.0±0.73
4	Lực bóp tay thuận (kG)	41.2±3.1	30.6±1.0
5	Bật xa tại chỗ (cm)	228.6±18.1	158.9±4.4
6	Chạy 30m XFC (s)	5.03±0.21	6.01±0.11
7	Nằm ngửa gập bụng (lần/30s)	20.1±2.7	16.1±1.25
8	Chạy con thoi 4x10m (s)	11.52±0.58	12.11±0.13
9	Chạy tùy sức 5 phút (m)	1021.3±117	935.6±31

**Bảng 4. Thực trạng kết quả phân loại trình độ thể lực đầu ra của sinh viên ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Tây Bắc (n=146)**

Phân loại	Nam sinh viên (n=133)		Nữ sinh viên (n=13)	
	m <sub>i</sub>	%	m <sub>i</sub>	%
Tốt	76	57.14	8	61.54
Đạt	57	42.86	5	38.46
Không đạt	0	0	0	0

XFC (s), Nằm ngửa gập bụng (lần/30s) và Chạy tụy sức 5 phút (m). Kết quả phân loại được trình bày tại bảng 4.

Qua bảng 4 cho thấy: đầu ra về hình thái và thể lực của SV ngành GDTC đã có sự phát triển sau thời gian học tập. Tỷ lệ SV đạt theo tiêu chuẩn xếp loại thể lực cụ thể: Đối với nam, đạt mức trung bình là 57 SV chiếm tỷ lệ 42.86%, đạt mức tốt là 76 SV chiếm tỷ lệ 57.14%; Đối với nữ, đạt mức trung bình là 5 SV chiếm tỷ lệ 38.46%, đạt mức tốt là 8 SV chiếm tỷ lệ 61.54%.

**TC11. Đánh giá thực trạng chất lượng SV đáp ứng nhu cầu xã hội**

Trên cơ sở bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của GV theo Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 của Bộ Giáo dục - Đào tạo về chuẩn nghề nghiệp GV THCS, GV THPT gồm 06 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí gồm: Phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống (5 tiêu chí); Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục (2 tiêu chí); Năng lực dạy học (8 tiêu chí); Năng lực giáo dục (6 tiêu chí); Năng lực hoạt động chính trị và xã hội (2 tiêu chí); năng lực phát triển nghề nghiệp (2 tiêu chí). Chúng tôi tiến hành lấy ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động là những cán bộ quản lý và các GV các trường phổ thông có nhiều năm công tác đánh giá về phẩm chất và năng lực công tác của cựu SV của Khoa GDTC ra Trường công tác tại các cơ sở đào tạo, các Trường Phổ thông năng khiếu tại các tỉnh, thành phố khu vực Tây Bắc.

Phương pháp đánh giá bằng thang độ Likert với 5 mức độ đánh tương ứng thang điểm 5.

Kết quả đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân ngành GDTC được tổng hợp tại bảng 5.

Kết quả ở bảng 5 thể hiện phẩm chất năng lực của SV Khoa GDTC ra trường công tác tại trường học các cấp.

Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức,

lối sống. Các tiêu chí trong TC này đều đạt ở mức tốt và rất tốt, có điểm TB đạt từ 4.06 điểm đến 4.28 điểm. Giá trị trung bình chung của tiêu chuẩn là 4.19 điểm, xếp loại tốt.

Tiêu chuẩn 2. Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục đạt điểm TB từ 3.72 đến 3.97 điểm. Giá trị trung bình chung 3.85 điểm, đạt loại tốt.

Tiêu chuẩn 3. Năng lực dạy học, đạt điểm TB từ 2.50 đến 3.75 điểm. Giá trị trung bình chung 3.06 điểm, chỉ đạt ở mức độ trung bình.

Tiêu chuẩn 4. Năng lực giáo dục, các tiêu chí đạt từ 2.57 đến 3.72 điểm, giá trị trung bình chung là 2.90 điểm, đạt mức trung bình.

Tiêu chuẩn 5. Năng lực hoạt động chính trị xã hội, các tiêu chí đạt từ 2.55 đến 2.60 điểm, giá trị trung bình chung 2.58 điểm, đạt mức trung bình

Tiêu chuẩn 6. Năng lực phát triển nghề nghiệp, các tiêu chí đạt từ 2.51 đến 2.55 điểm, điểm trung bình chung 2.53, đạt mức trung bình.

Điều này cho thấy, cần thiết phải có những giải pháp phù hợp pháp để tăng cường phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho các SV. Đặc biệt chú trọng đến những tiêu chí chỉ đạt loại trung bình (TC3, TC4, TC5, TC6).

**KẾT LUẬN**

Từ những kết quả ứng dụng bộ tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của SV Ngành GDTC ra trường công tác tại các cơ sở, chúng tôi đã đánh giá được phẩm chất và năng lực công tác của 220 cán bộ là cựu SV của Khoa GDTC đang công tác tại các trường học. Hầu hết các ý kiến đánh giá của người sử dụng lao động đều đạt ở mức trung bình trở lên. Kết quả đánh giá của người sử dụng lao động cho thấy SV ngành GDTC ra trường công tác nhìn chung đã đáp ứng được nhu cầu xã hội.

**Bảng 5. Kết quả phỏng vấn đánh giá phẩm chất và năng lực công tác của cử nhân  
Ngành Giáo dục thể chất theo hướng đáp ứng nhu cầu xã hội (n=220)**

TT	Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá											Đánh giá
		Rất tốt		Tốt		Trung bình		Không tốt		Rất không tốt		Điểm TB	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%		
<b>Tiêu chuẩn 1. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống</b>													
1	Tiêu chí 1. Phẩm chất chính trị	102	46.4	83	37.7	28	12.7	7	3.2	0	0	4.27	Rất tốt
2	Tiêu chí 2. Đạo đức nghề nghiệp	115	52.3	64	29.1	30	13.6	9	4.1	2	0.9	4.28	Rất tốt
3	Tiêu chí 3. Ứng xử với học sinh	100	45.5	57	25.9	59	26.8	4	1.8	0	0	4.15	Tốt
4	Tiêu chí 4. Ứng xử với đồng nghiệp	116	52.7	58	26.4	26	11.8	11	5	9	4.1	4.19	Tốt
5	Tiêu chí 5. Lối sống, tác phong	99	45	62	28.2	38	17.3	16	7.3	5	2.3	4.06	Tốt
<b>Giá trị trung bình chung</b>												<b>4.19</b>	<b>Tốt</b>
<b>Tiêu chuẩn 2: Năng lực tìm hiểu đối tượng và môi trường giáo dục</b>													
6	Tiêu chí 6. Tìm hiểu đối tượng giáo dục Có phương pháp thu thập và xử lý thông tin	87	39.5	69	31.4	42	19.1	15	6.8	7	3.2	3.97	Tốt
7	Tiêu chí 7. Tìm hiểu môi trường giáo dục	76	34.5	72	32.7	27	12.3	25	11.4	20	9.1	3.72	Tốt
<b>Giá trị trung bình chung</b>												<b>3.85</b>	<b>Tốt</b>
<b>Tiêu chuẩn 3: Năng lực dạy học</b>													
8	Tiêu chí 8. Xây dựng kế hoạch dạy học	28	12.7	36	16.4	22	10	71	32.3	63	28.6	2.52	TB
9	Tiêu chí 9. Đảm bảo kiến thức môn học	77	35	59	26.8	45	20.5	29	13.2	10	4.5	3.75	Tốt
10	Tiêu chí 10. Đảm bảo chương trình môn học	75	34.1	30	13.6	49	22.3	35	15.9	31	14.1	3.38	Tốt
11	Tiêu chí 11. Vận dụng các phương pháp dạy học	85	38.6	38	17.3	37	16.8	38	17.3	22	10	3.57	Tốt
12	Tiêu chí 12. Sử dụng các phương tiện dạy học	65	29.5	47	21.4	28	12.7	60	27.3	20	9.1	3.35	Tốt
13	Tiêu chí 13. Xây dựng môi trường học tập	32	14.5	29	13.2	30	13.6	73	33.2	56	25.5	2.58	TB
14	Tiêu chí 14. Quản lý hồ sơ dạy học	29	13.2	34	15.5	21	9.5	71	32.3	65	29.5	2.5	TB
15	Tiêu chí 15. Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh	55	25	21	9.5	29	13.2	63	28.6	52	23.6	2.84	Tốt

TT	Các tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá	Kết quả đánh giá												Đánh giá
		Rất tốt		Tốt		Trung bình		Không tốt		Rất không tốt		Điểm TB		
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%			
<b>Giá trị trung bình chung</b>											<b>3.06</b>	<b>TB</b>		
<b>Tiêu chuẩn 4: Năng lực giáo dục</b>														
16	Tiêu chí 16. Xây dựng kế hoạch các hoạt động giáo dục	79	35.9	61	27.7	30	13.6	39	17.7	11	5	3.72	Tốt	
17	Tiêu chí 17. Giáo dục qua môn học	75	34.1	46	20.9	51	23.2	32	14.5	16	7.3	3.6	Tốt	
18	Tiêu chí 18. GD qua các hoạt động giáo dục	64	29.1	49	22.3	51	23.2	31	14.1	25	11.4	3.44	Tốt	
19	Tiêu chí 19. Giáo dục qua các hoạt động trong cộng đồng	29	13.2	27	12.3	44	20	61	27.7	58	26.4	2.57	TB	
20	Tiêu chí 20. Vận dụng các nguyên tắc, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục	35	15.9	30	13.6	38	17.3	47	21.4	70	31.8	2.6	TB	
21	Tiêu chí 21. Đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	69	31.4	56	25.5	34	15.5	45	20.5	16	7.3	3.53	Tốt	
<b>Giá trị trung bình chung</b>											<b>2.9</b>	<b>TB</b>		
<b>Tiêu chuẩn 5: Năng lực hoạt động chính trị, xã hội</b>														
22	Tiêu chí 22. Phối hợp với gia đình học sinh và cộng đồng	28	12.7	30	13.6	28	12.7	83	37.7	51	23.2	2.55	TB	
23	Tiêu chí 23. Tham gia hoạt động chính trị, xã hội	25	11.4	41	18.6	31	14.1	67	30.5	56	25.5	2.6	TB	
<b>Giá trị trung bình chung</b>											<b>2.58</b>	<b>TB</b>		
<b>Tiêu chuẩn 6: Năng lực phát triển nghề nghiệp</b>														
24	Tiêu chí 24. Tự đánh giá, tự học và tự rèn luyện	32	14.5	31	14.1	36	16.4	49	22.3	72	32.7	2.55	TB	
25	Tiêu chí 25. Phát hiện và giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn giáo dục	31	14.1	25	11.4	46	20.9	42	19.1	76	34.5	2.51	TB	
<b>Giá trị trung bình chung</b>											<b>2.53</b>	<b>TB</b>		

Song vẫn còn một số tiêu chí chỉ đạt điểm Trung bình và Khá.

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2008), *Quyết định Số 53/QĐ-BGDĐT ngày 18 tháng 9 năm 2008 ban hành quy định về việc đánh giá, xếp loại thể lực học sinh, sinh viên.*

2. Dương Nghiệp Chí, Nguyễn Danh Thái và cộng sự (2003), *Thực trạng thể chất người Việt Nam từ 6 tới 20 tuổi (thời điểm 2001)*, Nxb TDDT, Hà Nội.

3. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Thông tư 30/2009/TT-BGDĐT ngày 22/10/2009 ban hành quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên THCS, giáo viên THPT.*

4. <http://www.vnua.edu.vn/phongban/dbcl/index.php/vi/2013-01-18-18-26-32/b-tieu-chu-n-aun>, Bộ tiêu chuẩn AUN.

(Bài nộp ngày 15/11/2023, Phản biện ngày 7/11/2023, duyệt in ngày 30/11/2023)